

**Công ty CP Chứng khoán
VNDIRECT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 525-4/2025/BC-QTRR

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ từ ngày 01/05/2025 đến 31/05/2025 năm 2025 như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACG			ACG
5	ACL			ACL
6	ADS			ADS
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	AST			AST



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
12	BAF			BAF
13	BCM			BCM
14	BFC			BFC
15	BIC			BIC
16	BID			BID
17	BMC			BMC
18	BMI			BMI
19	BMP			BMP
20	BSI			BSI
21	BVH			BVH
22	BWE			BWE
23	C32			C32
24	CCL			CCL
25	CDC			CDC
26	CHP			CHP
27	CII			CII
28	CKG			CKG
29	CLC			CLC
30	CLL			CLL
31	CMG			CMG
32	CNG			CNG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
33	CRC			CRC
34	CSM			CSM
35	CSV			CSV
36	CTD			CTD
37	CTF			CTF
38	CTG			CTG
39	CTI			CTI
40	CTR			CTR
41	CTS			CTS
42	CVT			CVT
43	D2D			D2D
44	DBC			DBC
45	DBD			DBD
46	DC4			DC4
47	DCL			DCL
48	DCM			DCM
49	DGC			DGC
50	DGW			DGW
51	DHA			DHA
52	DHC			DHC
53	DHG			DHG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	DIG			DIG
55	DMC			DMC
56	DPG			DPG
57	DPM			DPM
58	DPR			DPR
59	DRC			DRC
60	DSE			DSE
61	DVP			DVP
62	DXG			DXG
63	DXS			DXS
64	EIB			EIB
65	ELC			ELC
66	EVF			EVF
67	FCN			FCN
68	FIR			FIR
69	FIT			FIT
70	FMC			FMC
71	FPT			FPT
72	FRT			FRT
73	FTS			FTS
74	GAS			GAS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	GDT			GDT
76	GEE			GEE
77	GEG			GEG
78	GEX			GEX
79	GMD			GMD
80	GSP			GSP
81	GVR			GVR
82	HAH			HAH
83	HAX			HAX
84	HCD			HCD
85	HCM			HCM
86	HDB			HDB
87	HDC			HDC
88	HDG			HDG
89	HHP			HHP
90	HHS			HHS
91	HHV			HHV
92	HPG			HPG
93	HPX			HPX
94	HQC			HQC
95	HSG			HSG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
96	HT1			HT1
97	HTG			HTG
98	HTI			HTI
99	HTN			HTN
100	HVH			HVH
101	ICT			ICT
102	IDI			IDI
103	IJC			IJC
104	ILB			ILB
105	IMP			IMP
106	ITC			ITC
107	KBC			KBC
108	KDC			KDC
109	KDH			KDH
110	KHG			KHG
111	KHP			KHP
112	KSB			KSB
113	LBM			LBM
114	LCG			LCG
115	LHG			LHG
116	LIX			LIX

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
117	LPB			LPB
118	LSS			LSS
119	MBB			MBB
120	MCM			MCM
121	MIG			MIG
122	MSB			MSB
123	MSH			MSH
124	MSN			MSN
125	MWG			MWG
126	NAB			NAB
127	NAF			NAF
128	NBB			NBB
129	NCT			NCT
130	NHA			NHA
131	NHH			NHH
132	NKG			NKG
133	NLG			NLG
134	NNC			NNC
135	NO1			NO1
136	NSC			NSC
137	NT2			NT2

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
138	NTL			NTL
139	OCB			OCB
140	PAC			PAC
141	PAN			PAN
142	PC1			PC1
143	PDR			PDR
144	PET			PET
145	PGC			PGC
146	PGD			PGD
147	PHC			PHC
148	PHR			PHR
149	PLX			PLX
150	PNJ			PNJ
151	POW			POW
152	PPC			PPC
153	PTB			PTB
154	PVD			PVD
155	PVP			PVP
156	PVT			PVT
157	RAL			RAL
158	REE			REE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
159	SAB			SAB
160	SAM			SAM
161	SAV			SAV
162	SBG			SBG
163	SBT			SBT
164	SCR			SCR
165	SCS			SCS
166	SFG			SFG
167	SFI			SFI
168	SGN			SGN
169	SGR			SGR
170	SHB			SHB
171	SHI			SHI
172	SIP			SIP
173	SJD			SJD
174	SJS			SJS
175	SKG			SKG
176	SRC			SRC
177	SSB			SSB
178	SSI			SSI
179	ST8			ST8

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
180	STB			STB
181	STK			STK
182	SVC			SVC
183	SZC			SZC
184	SZL			SZL
185	TCB			TCB
186	TCH			TCH
187	TCI			TCI
188	TCL			TCL
189	TCM			TCM
190	TCO			TCO
191	TDC			TDC
192	TDM			TDM
193	TDP			TDP
194	THG			THG
195	TIP			TIP
196	TLG			TLG
197	TMS			TMS
198	TNH			TNH
199	TPB			TPB
200	TRA			TRA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
201	TRC			TRC
202	TTA			TTA
203	TV2			TV2
204	TVS			TVS
205	TYA			TYA
206	VCB			VCB
207	VCG			VCG
208	VCI			VCI
209	VDS			VDS
210	VFG			VFG
211	VGC			VGC
212	VHC			VHC
213	VHM			VHM
214	VIB			VIB
215	VIC			VIC
216	VIP			VIP
217	VIX			VIX
218	VJC			VJC
219	VNM			VNM
220	VOS			VOS
221	VPB			VPB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
222	VPG			VPG
223	VPH			VPH
224	VPI			VPI
225	VRE			VRE
226	VSC			VSC
227	VSH			VSH
228	VTO			VTO
229	VTP			VTP
230	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS
3	CAP			CAP
4	CDN			CDN
5	CEO			CEO
6	CMS			CMS
7	CSC			CSC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
8	DHT			DHT
9	DL1			DL1
10	DNP			DNP
11	DP3			DP3
12	DTD			DTD
13	DVM			DVM
14	DXP			DXP
15	HUT			HUT
16	HVT			HVT
17	IDC			IDC
18	IDV			IDV
19	IPA			IPA
20	IVS			IVS
21	KSV			KSV
22	L14			L14
23	L18			L18
24	LAS			LAS
25	LHC			LHC
26	LIG			LIG
27	MBG			MBG
28	MBS			MBS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
29	NAG			NAG
30	NBC			NBC
31	NDN			NDN
32	NET			NET
33	NTP			NTP
34	PGS			PGS
35	PLC			PLC
36	PPT			PPT
37	PSD			PSD
38	PTI			PTI
39	PVB			PVB
40	PVC			PVC
41	PVI			PVI
42	PVS			PVS
43	S99			S99
44	SCG			SCG
45	SHS			SHS
46	SJE			SJE
47	SLS			SLS
48	TDT			TDT
49	TMB			TMB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
50	TNG			TNG
51	TPP			TPP
52	TVD			TVD
53	VC3			VC3
54	VC7			VC7
55	VCS			VCS
56	VFS			VFS
57	VGS			VGS
58	VNR			VNR
59	VTZ			VTZ

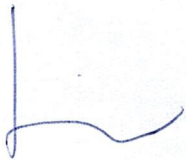
Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

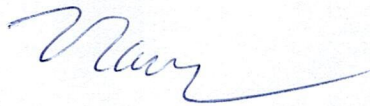
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Mai Linh

Người duyệt



Nguyễn Lê Nam

Giám đốc quản trị



Điền Ngọc Tuấn